

Bài 3. YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ

(12 tiết)

(Đọc và Tiếng Việt: 8 tiết, Viết: 3 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

I YÊU CẦU CẨN DẠT

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.
- Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu.
 - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.
 - Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
 - Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

Miêu tả nhân vật trong truyện kể

Trong SHS, các khái niệm: *ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, thế giới nội tâm* đã được giải thích một cách đơn giản, ngắn gọn. GV cần giúp HS nắm được nội dung cơ bản của từng khái niệm; biết vận dụng để xác định, phân tích các chi tiết miêu tả nhân vật. Ở đây chúng tôi cung cấp một số tư liệu tham khảo hỗ trợ cho việc tổ chức hoạt động dạy học của GV.

- *Ngoại hình* là các chi tiết thuộc về hình dáng bên ngoài của nhân vật như: thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục,... Các chi tiết ngoại hình không chỉ giúp người đọc hình dung cụ thể về ngoài của nhân vật mà còn thể hiện được đặc điểm tính cách; thậm chí có thể phản chiếu cả những biến động, đổi thay trên đường đời. Chẳng hạn, khi quan sát “chân dung” nhân vật Chí Phèo (Nam Cao, *Chí Phèo*) lúc ở tù về, người đọc có thể thấy anh canh điên hiền lành, lương thiện ngày xưa đã bị biến thành gã lưu manh trác tráo, dữ tợn: *Hắn về lớp này trông khác hẳn. [...] Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cao trắng hơn, cái mặt thì đen mà rất cứng cỏi [...] Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chuỳ, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gồm chét!* Và sau khi trở thành “công cụ đâm thuê chém mướn” trong tay Bá Kiến, mất dần nhân tính, rơi vào kiếp sống “con quỷ dữ của làng Vũ Đại”, thì nhân hình Chí Phèo cũng bị huỷ hoại: *Cái mặt hắn bây giờ không trẻ cũng không già. [...] Cái mặt hắn vàng vàng mà lại muốn sạm màu gio. Nó vẫn đọc văn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là sẹo.*

- *Cử chỉ, hành động* là một căn cứ xác thực để người đọc tìm hiểu, khai quát đặc điểm tính cách nhân vật. Quan sát hành vi và cách thức hành động của nhân vật, có thể thu nhận được rất nhiều “thông tin” về một con người: môi trường sống, trạng thái tâm lí, tình cảm, tính cách,... Hành động có thể “phơi bày” bản chất được “ngụy trang” bởi ngoại hình, lời nói.

Ví dụ, nhân vật Mã Giám Sinh trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) giả danh nho sĩ đến hỏi cưới Thuý Kiều làm vợ lẽ nên cũng đầy đủ lệ bộ “trước thầy sau tớ”, cũng nói năng rất hoa mĩ: *Rằng mua ngọc đến Lam Kiều/ Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tuồng?* nhưng hành động *Ghế trên ngồi tốt số sàng và Cò kè bớt một thêm hai đã phơi trần con người thực của gã lưu manh* giả dạng giám sinh, gã ma cô “bán thịt buôn người”.

Hành động của nhân vật còn có khả năng phản chiếu những mâu thuẫn, xung đột; những quá trình diễn biến tâm lí phức tạp.

- *Ngôn ngữ* hay *lời nói* của nhân vật thường được xây dựng với hai hình thức đối thoại và độc thoại. Đây cũng là một phương tiện nghệ thuật quan trọng, có khả năng bộc lộ lai lịch, vốn sống, tri thức, tâm trạng, tính cách,... của nhân vật.

Khi tìm hiểu ngôn ngữ nhân vật, cần chú ý lời nói, cách nói, giọng điệu,... mà nhân vật thường sử dụng. Ví dụ, trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn...*, niềm khao khát có bạn, tình cảm chân thành, sâu sắc dành cho bạn và sự thông thái của nhân vật cáo chủ yếu được thể hiện qua ngôn ngữ đối thoại trong cuộc trò chuyện, tâm sự với hoàng tử bé.

- *Thế giới nội tâm* là những ý nghĩ, trạng thái cảm xúc, tình cảm và quá trình diễn biến tâm lí phong phú, phức tạp diễn ra bên trong nhân vật. Đây là phương tiện đắc lực giúp nhà văn khám phá chiều sâu tâm hồn, khắc họa tính cách nhân vật. Để khám phá, tái hiện thế giới vô hình và đầy bí ẩn này, nhà văn thường sử dụng nhiều phương tiện nghệ thuật (ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ độc thoại nội tâm, ngôn ngữ nửa trực tiếp,...).

Ví dụ: Nam Cao đã khám phá, tái hiện rất thành công diễn biến nội tâm của nhân vật Chí Phèo qua các chi tiết miêu tả cảnh vật, sinh hoạt đời thường, kí ức,... khi hắn tỉnh dậy trong căn lều vào buổi sáng sau cuộc gặp gỡ tình cờ với Thị Nở. Lần đầu tiên sau nhiều năm tháng, Chí Phèo lại bắt đầu biết cảm nhận về cuộc sống xung quanh, về sự tồn tại của chính mình. Hắn chăm chú lắng nghe “tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá”, tiếng anh chài gõ mái chèo đuối cá, tiếng những người đàn bà đi chợ than thở về cuộc mưu sinh ngày một khó khăn. Đó chỉ là những tiếng động quen thuộc “hôm nào chả có” nhưng bây giờ Chí Phèo mới nghe thấy vì lần đầu tiên hắn thức dậy mà không say rượu. Những âm thanh thân thuộc của cuộc sống đời thường đã đánh thức trong Chí Phèo kí ức xa xôi với giấc mơ hạnh phúc nhỏ bé, tội nghiệp của một anh nông dân hiền lành, lương thiện: *có một căn nhà nhỏ, chồng cuốc mướn, cày thuê, vợ dệt vải. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm*. Những ý nghĩ, cảm xúc đó cho thấy nhân tính chưa hoàn toàn lụi tắt trong Chí Phèo, chỉ cần lần đầu tiên tỉnh rượu, “chất người” đã được thức tỉnh, hồi sinh,...

Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ

- Thành phần chính của câu có thể là một từ và có thể là một cụm từ. Các nhà ngôn ngữ học cho rằng có ba loại cụm từ tự do: cụm từ chủ vị, cụm từ đẳng lập, cụm từ chính phụ.

- Cụm từ chính phụ là cụm từ có một thành tố chính và một hay nhiều thành tố phụ ở trước và sau thành tố chính. Cụm danh từ là cụm từ chính phụ có danh từ làm thành tố chính. Ở dạng đầy đủ, cụm danh từ gồm ba phần: phần trung tâm (hạt nhân) ở giữa, phần phụ trước và phần phụ sau. Mỗi phần phụ trước và phần phụ sau lại có thể gồm nhiều thành

tổ phụ. Tuy nhiên, SHS không yêu cầu HS đi sâu phân tích cụ thể từng thành tố của cụm danh từ. HS chỉ cần hiểu: về mặt cấu tạo, cụm danh từ gồm danh từ và một số từ ngữ khác bổ nghĩa cho danh từ; về mặt ý nghĩa, cụm danh từ có ý nghĩa đầy đủ hơn danh từ. Dù vậy, GV cần hiểu rõ quan niệm về cụm danh từ để tổ chức dạy học cho HS.

+ Phần trung tâm của cụm danh từ luôn là danh từ. Về danh từ trung tâm, có nhiều quan niệm khác nhau khi xử lí trường hợp hai danh từ đứng liền nhau (danh từ đơn vị kết hợp với một danh từ đơn thể). Tuy nhiên, SHS giải quyết theo quan niệm: có thể coi cả hai danh từ đó đều là trung tâm. Ví dụ: *em học sinh* (này), *quyển sách* (này).

+ Phần phụ trước của cụm danh từ có thể là:

- Thành tố phụ chỉ ý nghĩa số lượng: Các từ chỉ số lượng chính xác (*một, hai, mươi,...*), các từ chỉ số lượng không chính xác/ phỏng định (*vài, ba, dăm,...*), phụ từ chỉ số lượng (*nhiều, các, một,...*).

- Thành tố phụ chỉ tổng lượng hay toàn thể (*tất cả, hết thảy, toàn thể,...*).

Ngoài ra, trong một số tài liệu nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt, ở phần phụ trước của cụm danh từ còn ghi nhận thành tố phụ chỉ xuất mà từ *cái* đảm nhiệm. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng nó là một yếu tố thuộc bình diện dụng học chứ không thuộc bình diện ngữ nghĩa và ngữ pháp. Vì thế, SHS không đi vào vấn đề phức tạp này của ngôn ngữ học.

+ Phần phụ sau của cụm danh từ thường được chia thành hai loại chính:

- Thành tố phụ hạn định hay miêu tả sự vật: nêu đặc điểm của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện, hạn định nó khỏi sự vật cùng loại (ví dụ: *bàn* làm việc, *học sinh* lớp 6A,...).

- Thành tố phụ chỉ định: thường đứng ở vị trí cuối cùng, kết thúc cụm danh từ, do các đại từ chỉ định đảm nhiệm (ví dụ: *ấy, đó, nọ, kia, này,...*).

- Các cụm từ chính phụ là dạng phát triển của từ trung tâm. Khi có một danh từ thì có thể phát triển thành cụm danh từ bằng cách thêm vào phía trước và sau danh từ đó những từ đóng vai trò phụ thuộc. Lúc đó, ta sẽ có cụm danh từ với cấu tạo phức tạp hơn, đồng thời ý nghĩa cũng cụ thể hơn. So với danh từ, việc dùng cụm danh từ làm chủ ngữ của câu có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.

Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ và cụm tính từ

- Cụm động từ là cụm từ chính phụ có động từ làm thành tố chính. Cụm tính từ là cụm từ chính phụ có tính từ làm thành tố chính. Ở dạng đầy đủ, cụm động từ và cụm tính từ thường gồm ba phần: phần trung tâm (hạt nhân) ở giữa, phần phụ trước và phần phụ sau.

+ Cụm động từ:

- Phần trung tâm: Mọi tiểu loại động từ (động từ độc lập, động từ không độc lập) đều có thể đóng vai trò thành tố trung tâm của cụm động từ.

- Phần phụ trước của cụm động từ thường do các hư từ (phụ từ) đảm nhiệm và chúng bổ sung một số ý nghĩa có tính chất ngữ pháp cho động từ – thành tố chính. Ví dụ: nhóm phụ từ chỉ ý nghĩa thời gian (*đã, đang, sẽ,...*); nhóm phụ từ chỉ ý khẳng định hay phủ định (*không, chưa, chẳng...*); nhóm phụ từ chỉ sự tiếp diễn (*đều, vẫn, cứ,...*); nhóm phụ từ chỉ mức độ của trạng thái (*rất, hơi, quá,...*);...

• Phần phụ sau: Phần phụ sau của cụm động từ đa dạng, phong phú và phức tạp hơn so với phần phụ trước. Phần phụ sau có thể do hư từ hoặc thực từ đảm nhiệm. Các từ ngữ sau động từ trung tâm thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa như đối tượng (*đọc sách*), địa điểm (*đi Hà Nội*), thời gian (*làm việc từ sáng*),...

+ Cụm tính từ:

• Phần trung tâm: mọi tiểu loại tính từ (tính từ chỉ đặc tính về lượng, chất, tính chất có thang độ, tính chất không phân biệt mức độ) đều có thể đóng vai trò thành tố chính.

• Phần phụ trước: thường do các phụ từ đảm nhiệm, như phần phụ trước ở cụm động từ. Ví dụ: các phụ từ chỉ mức độ (*rất, hơi, khá,...*), thời gian (*đã, đang, sẽ,...*), tiếp diễn (*vẫn, còn,...*).

• Phần phụ sau: do nhiều từ loại khác nhau đảm nhiệm. Các từ ngữ sau tính từ trung tâm thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa như phạm vi (*giỏi toán*), so sánh (*đẹp như tiên*), mức độ (*hay ghê*),...

- Khi có một động từ, tính từ thì có thể phát triển thành cụm động từ, cụm tính từ bằng cách thêm vào phía trước và sau chúng những từ ngữ đóng vai trò phụ thuộc. Lúc đó so với động từ, tính từ đã có, cụm động từ, cụm tính từ có cấu tạo phức tạp hơn đồng thời ý nghĩa cũng cụ thể hơn. Trong câu, cụm động từ và cụm tính từ có thể thực hiện chức năng của các thành phần phụ và thành phần chính trong câu. Ở bài học này, HS sẽ biết cách dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần vị ngữ của câu.

□ Tài liệu tham khảo

- GV có thể tham khảo kiến thức lí luận văn học ở một số tài liệu sau:
 - + Lê Bá Hán – Trần Đình Sử – Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Sđd;
 - + Đỗ Đức Hiểu – Nguyễn Huệ Chi – Trần Hữu Tá – Phùng Văn Tứu (đồng Chủ biên), *Từ điển văn học* (Bộ mới), Sđd;
 - + Trần Đình Sử (Chủ biên), *Giáo trình Lý luận văn học*, tập 2, Sđd.
- GV nên đọc thêm một số truyện cổ tích của An-déc-xen, truyện ngắn của Thạch Lam.

2. Phương tiện dạy học

- GV có thể sử dụng một vài bức tranh hoặc cảnh phim đặc sắc để tạo hứng thú cho HS nhưng cần lưu ý mức độ, cách thức để tránh tình trạng VB ngôn từ bị “lấn át”.

- GV nên thiết kế một số phiếu học tập.